

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VINH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 03-12 -2021

V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phương Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Tạm trú: ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị và anh Lê Văn T1 trên cơ sở quen biết tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Long Hồ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 04/5/2017. Sau khi cưới thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì anh T1 đi làm và có người phụ nữ khác, đi từ đó đến nay anh T1 không còn chăm lo cho gia đình. Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Trúc Q, sinh ngày 29/01/2019. Khi ly hôn Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh T1 vắng mặt nhiều lần không lý do:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T1, anh T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con và anh T1 có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn T1 vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T trình bày: Vợ chồng chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau vì anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”* và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Tuy chị T không có chứng cứ chứng minh anh T1 có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của chị nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh T1 biết yêu cầu khởi kiện của chị T và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T1 vẫn vắng mặt, theo đơn xin xác nhận nơi cư trú anh T1 còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên vào thời điểm chị T khởi kiện và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án. Tại phiên tòa Chị T trình bày sự việc mâu thuẫn gia đình chị không có báo chính quyền địa phương nên địa phương cũng không biết sự việc nên không có lập biên bản, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T1 và qua lời trình bày của chị T cho thấy tình trạng hôn nhân của Anh, Chị đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Trúc Q, sinh ngày 29/01/2019 khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét bé Q mới hơn 02 tuổi cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của mẹ.

Tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

“1.

2.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, ...

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Trúc Q, sinh ngày 29/01/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Ngược lại người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết;

[5] Về nợ chung: không đặt ra giải quyết

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T với anh Lê Văn T1

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trúc Q, sinh ngày 29/01/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Ngược lại người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Phương T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006813 ngày 30/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diện